

Bản tin chứng khoán

Trong số này

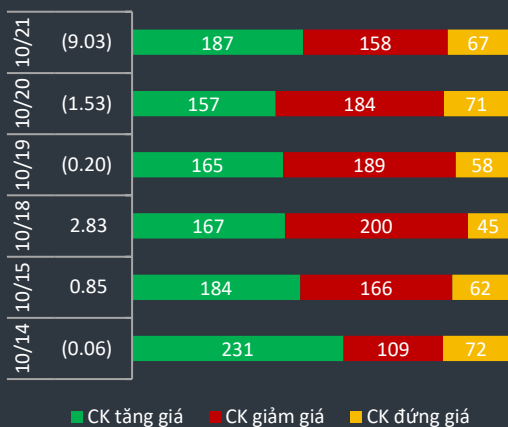
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VNM	104.49
FUESSVFL	61.69
VHC	29.00
TNH	25.10
GMD	23.73
CTG	21.26
KBC	(43.33)
VCB	(54.77)
NVL	(65.21)
VHM	(78.41)
SSI	(82.93)
VIC	(88.40)
NLG	(99.10)
HPG(310.15)	

Thị trường hôm nay khá giống hôm qua khi giao dịch thăm dò trong biên độ hẹp trong suốt thời gian giao dịch nhưng bất ngờ rung lắc mạnh vào thời điểm cuối phiên. Nhóm VN30 bị ảnh hưởng mạnh nhất khi hầu hết cổ phiếu đều bị đè bán mạnh trong khi lực cầu hạn chế. Nếu như Vnindex đóng cửa giảm 9 điểm thì VN30 mất gần 16 điểm. Chỉ có KDH, HPG, PDR xanh điểm trong nhóm VN30 trong khi có khá nhiều mã giảm sâu hơn - 2% cuối phiên như MSN, POW, VPB, SAB, VJC.

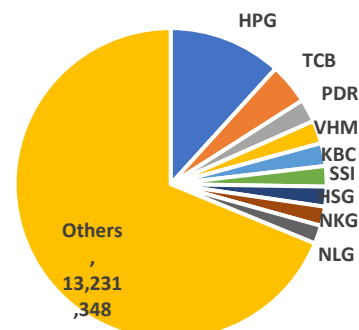
Nếu nhìn điểm số Vnindex sụt giảm có thể khá bi quan nhưng tình hình chung thị trường vẫn khá cân bằng với số mã xanh và số mã giảm khá cân bằng nhau. Hai nhóm ngành tăng trưởng đáng chú ý nhất hôm nay là dệt may và phân bón khi tăng gần 3%. Nhóm dệt may nổi bật nhất ở STK khi giá tăng gần 6% sau khi kết quả lợi nhuận quý 3 công bố tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ. Nhiều cổ phiếu dệt may khác cũng theo đà hưng phấn tăng theo như TCM cuối phiên gần sát trần tăng 6.5%, FTM tăng 6.8%, TTT tăng 5.9%.

Nhóm cổ phiếu phân bón rung lắc nhẹ đầu phiên nhưng hồi phục dần và duy trì đà tăng đến cuối phiên. PSW vẫn trần cứng dư mua hàng trăm ngàn đơn vị, DPM đảo chiều xanh 2.8%, BFC 2.1%, PCE 4.6%. Nhìn chung nhóm cổ phiếu phân đạm có thể tích lũy trong vùng giá hiện tại thời gian nhưng xu hướng từ nay đến cuối năm vẫn khả quan và còn dư địa tăng thêm 15% - 20%.

Nhóm ngân hàng phân hóa mạnh và chỉ có 7/27 mã tăng trong ngày. PGB tăng tốt nhất lên 24.5, MSB tăng 2.9% trong khi OCB tiếp tục đà tăng lên 27.4 - 2.8%. OCB vừa công bố báo cáo tài chính quý III với lợi nhuận sau thuế đạt 885 tỷ đồng, tăng 71,2% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm, lợi nhuận OCB cán mốc 3,005 tỷ đồng tăng trên 50% so với cùng kỳ. So với các ngân hàng khác, OCB duy trì đà tăng trưởng bền vững trên nền nợ xấu kiểm soát tốt. Trong quý III nợ xấu của OCB chỉ tăng nhẹ 0,2% so với quý II. Ngân hàng cũng tích cực trích lập dự phòng, số dư dự phòng rủi ro cho vay được đẩy lên 1.105 tỷ đồng đưa tỷ lệ bao phủ nợ xấu của OCB đã từ mức 62,1% lên 74,9%.

Vnindex 1,384.77

▼ -9.03 (-0.65%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VIB	36.9	300	0.82
HPG	57.2	300	0.53
DHG	99.2	500	0.51
BCM	45.0	200	0.45
PDR	96.7	300	0.31
HVN	26.0	50	0.19
REE	74.9	-	-
NVL	102.0	(300)	(0.29)
TCB	52.9	(300)	(0.56)
BID	39.5	(250)	(0.63)
PLX	53.5	(400)	(0.74)
STB	26.1	(200)	(0.76)
CTG	29.8	(250)	(0.83)
BVH	60.0	(500)	(0.83)
TPB	43.7	(400)	(0.91)
FPT	96.7	(900)	(0.92)
VNM	89.1	(900)	(1.00)
PNJ	98.0	(1,000)	(1.01)
VCB	94.0	(1,000)	(1.05)
MBB	27.9	(300)	(1.06)
GVR	37.1	(400)	(1.07)
VRE	30.6	(350)	(1.13)
VHM	77.9	(900)	(1.14)
VIC	91.0	(1,300)	(1.41)
SSI	39.7	(600)	(1.49)
ACB	31.8	(550)	(1.70)
MWG	127.0	(2,200)	(1.70)
HDB	24.6	(450)	(1.80)
VPB	37.6	(750)	(1.96)
GAS	112.2	(2,300)	(2.01)
MSN	140.2	(2,900)	(2.03)
POW	12.1	(250)	(2.03)
SAB	152.0	(3,200)	(2.06)
VJC	131.8	(4,100)	(3.02)

Chỉ số Vnindex có phiên điều chỉnh đầu tiên gần 10 điểm vào ngày đáo hạn phái sinh. Có thể sau phiên ngày mai thị trường sẽ lấy lại phần nào điểm số đã mất và duy trì trạng thái tích cực trở lại.

Các nhóm ngành chứng khoán, thép, phân đạm vẫn ưu tiên nắm giữ hiện tại như một số mã VCI, VND, HPG, NKG, DCM, DPM bên cạnh một số cổ phiếu các ngành dệt may, BĐS, bán lẻ như STK, TCM, SZC, GVR, MWG, DGW, PET...

Thép: NKG, HPG, HSG

Phân đạm: DPM, DCM

Ngân hàng: OCB, TPB, MBB

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, VCI, VND, STK, TCM, ABI

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	75.6	13.3	60	80	Mua quanh 62-64. Cắt lỗ nếu dưới 60	10/6/2021	18.1%
PET	30.8	1.3	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	10.0%
LCG	15.7	(11.0)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	12.1%
DPR	73.6	(0.1)	57	75	Mua vào quanh 65-67	9/21/2021	9.9%
IDC	61.6	7.7	45	65	Mua vào quanh 50-52	9/21/2021	23.2%
REE	74.9	2.6	50	65	Nắm giữ	7/12/2021	46.9%
GVR	37.1	(3.4)	28	38	Nắm giữ, mục tiêu 42	7/12/2021	26.2%
HCM	38.1	(0.3)	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	12.1%
VCI	63.5	2.6	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	29.6%
SSI	39.7	(3.2)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	20.3%
MBB	27.9	(2.1)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-3.8%
OCB	27.4	11.4	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	19.1%
HPG	57.2	0.7	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	27.1%
KBC	42.7	(6.7)	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	9.5%
DGW	112.9	0.1	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	125.8%

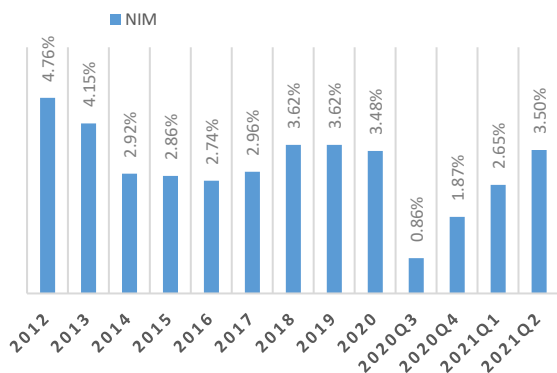
OCB – Ngân Hàng Phương Đông

Price: 27,350

Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng



Giá mục tiêu	32,000 (+20%)
Lợi nhuận 2021F	4000 tỷ
EPS forecast	2,920
PE forecast	9.3
Ngưỡng hỗ trợ	24,000
Ngưỡng kháng cự	35,000



Lợi nhuận 9 tháng tăng 50% so cùng kỳ

Theo báo cáo tài chính quý III/2021 mới công bố, tổng dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) tính đến hết tháng 9 tăng 9,4% so với đầu năm trong khi số dư nợ xấu giảm 2,2% với 1.475 tỷ đồng.

Trong quý III nợ xấu của OCB chỉ tăng nhẹ 0,2% so với quý II. Ngân hàng cũng tích cực trích lập dự phòng, số dư dự phòng rủi ro cho vay được đẩy lên 1.105 tỷ đồng đưa tỷ lệ bao phủ nợ xấu của OCB đã từ mức 62,1% lên 74,9%.

Về nguồn vốn huy động, số dư tiền gửi của OCB trong kỳ đã tăng 7% lên 93.304 tỷ đồng. Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn tăng 9% lên 83.584 tỷ đồng; tiền gửi không kỳ hạn giảm 7,2% xuống 9.374 tỷ đồng.

Quý III, lợi nhuận sau thuế của OCB đạt 885 tỷ đồng, tăng 71,2% so với cùng kỳ.

Động lực lớn nhất để tăng trưởng lợi nhuận trong kỳ đến từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư, lãi thuần từ mảng này mang về 463 tỷ đồng, gấp gần 6 lần cùng kỳ. Cùng với đó là thu nhập lãi thuần tăng 24,6% lên 1.355 tỷ đồng.

Mặc dù các mảng kinh doanh khác khác như kinh doanh ngoại hối, chứng khoán kinh doanh... sụt giảm đáng kể so với cùng kỳ, tuy nhiên lợi nhuận từ các hoạt động này không chiếm tỷ trọng quá lớn trong tổng thu nhập hoạt động chung nên lợi nhuận vẫn tăng mạnh. Lũy kế 9 tháng đầu năm, lợi nhuận sau thuế trong của OCB ghi nhận tăng trưởng gấp rưỡi với **3.005 tỷ đồng**.

	Quý III			Lũy kế 9 tháng		
	2021	2020	%	2021	2020	%
Thu nhập lãi thuần	1,355	1,088	24.5%	4,155	3,391	22.5%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	118	193	-38.9%	469	527	-11.0%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11	39	-72.4%	54	66	-17.9%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	46	-34.3%	99	54	85.0%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	463	78	493.6%	1,222	875	39.7%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	20	40	-50.1%	247	151	63.6%
Tổng thu nhập hoạt động	1,997	1,483	34.7%	6,246	5,064	23.3%
Chi phí hoạt động	623	554	12.5%	1,817	1,613	12.6%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,375	929	48.0%	4,429	3,451	28.3%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	267	282	-5.3%	661	940	-29.7%
Tổng lợi nhuận trước thuế (IX-X)	1,107	647	71.1%	3,768	2,511	50.1%
Lợi nhuận sau thuế (XI-XII)	885	517	71.2%	3,005	2,009	49.6%

HPG – Công Ty CP Tập Đoàn Hòa Phát

Price: 57,200

Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng



Giá mục tiêu	70,000
	(+22%)
Lợi nhuận 2021F	36,000 tỷ
EPS forecast	8,000
PE forecast	7.1
Ngưỡng hỗ trợ	50,000
Ngưỡng kháng cự	70,000



Lợi nhuận 9 tháng vượt 50% kế hoạch

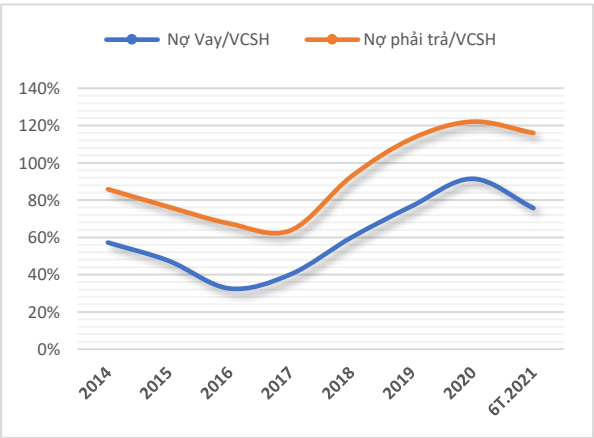
Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG) vừa công bố doanh thu quý III đạt 38.900 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ 2020. Lãi sau thuế đạt kỷ lục lần đầu tiên 10.350 tỷ đồng, gấp 2,7 lần quý III năm ngoái.

Lũy kế 9 tháng, HPG ghi nhận doanh thu hơn 105.800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 27.100 tỷ, tăng lần lượt 60% và 200% so với cùng kỳ 2020. Lợi nhuận 9 tháng đã vượt 50% kế hoạch lãi 18.000 tỷ đồng của cả năm.

Trong 9 tháng đầu năm, Tập đoàn Hòa Phát sản xuất 6,1 triệu tấn thép thô, tăng 50% so với cùng kỳ. Bán hàng các sản phẩm thép đạt 6,3 triệu tấn, tăng 43%.

Theo số liệu của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), Hòa Phát tiếp tục dẫn đầu thị phần thép xây dựng 9 tháng đầu năm với tỷ lệ 31,7%, tương ứng với sản lượng tiêu thụ 2,8 triệu tấn, tăng 12% so với cùng kỳ.

Tiêu thụ thép cuộn cán nóng (HRC) đạt gần 2 triệu tấn. Tôn Hòa Phát ghi nhận 273.000 tấn, gấp 2,6 lần cùng kỳ. Bán hàng ống thép là 498.000 tấn, giảm 12% so với 9 tháng đầu năm ngoái.



HPG	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	6T.2021
Doanh thu	25,525	27,453	33,283	46,162	55,836	63,658	90,119	66,295
Lợi nhuận	3,144	3,485	6,602	8,007	8,573	7,578	13,450	16,699
Lợi Nhuận Gộp	5,187	5,594	8,751	10,626	11,671	11,185	18,904	19,660
Chi phí lãi vay	(351)	(251)	(280)	(480)	(540)	(937)	(2,192)	(1,221)
KLCP DLH (triệu CP)	482	733	843	1,517	2,124	2,761	3,313	4,473
VCSH	11,796	14,467	19,850	32,398	40,623	47,787	59,220	73,984
Tổng Tài Sản	22,089	25,507	33,227	53,022	78,223	101,776	131,511	159,809
Book Value	24,478	19,738	23,551	21,355	19,127	17,307	17,873	16,541
EPS	6,525	4,755	7,833	5,278	4,036	2,745	4,060	5,614
LN ròng biên	12.3%	12.7%	19.8%	17.3%	15.4%	11.9%	14.9%	25.2%
ROE	26.7%	24.1%	33.3%	24.7%	21.1%	15.9%	22.7%	33.9%
Vay Ngắn Hạn	5,737	6,117	5,488	11,329	11,495	16,838	36,798	40,272
Vay Dài Hạn	1,011	739	972	1,651	12,811	19,842	17,343	15,722
Tổng Nợ vay	6,748	6,856	6,460	12,980	24,306	36,680	54,142	55,994
Nợ Vay/VCSH	57.2%	47.4%	32.5%	40.1%	59.8%	76.8%	91.4%	75.7%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

HAI	6.84
PXI	6.86
TNI	6.88
TDG	6.90
QCG	6.91
NBB	6.91
NTL	6.94
LGL	6.97
PC1	6.98
ITC	6.98
HQC	6.98
OGC	6.99
HMC	7.00

Top tăng giá HNX

PDB	9.63
VSM	9.68
LCS	9.80
PPP	9.86
S55	9.87
KTT	9.89
NDX	9.89
RCL	10.00
SD9	10.00
MCO	10.00

VPH - CTCP Vạn Phát Hưng - Ngày 19/10, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định đưa cổ phiếu VPH vào diện cảnh báo kể từ ngày 26/10/2021. Nguyên nhân do, VPH ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất kinh doanh chính từ 03 tháng trở lên.

EVE - CTCP Everpia – Đã thông qua việc sử dụng hơn 3,04 triệu cổ phiếu có để trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông theo tỷ lệ 8% (cổ đông sở hữu 8 cổ phiếu sẽ nhận 1 cổ phiếu mới). Bên cạnh đó, EVE cũng thông qua phương án dùng tiếp hơn 887.000 cổ phiếu quỹ để trả thưởng ESOP với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu.

BII - CTCP Louis Land – Đã thông qua nghị quyết thoái toàn bộ 11.347.100 cổ phiếu TDH, tương ứng 10,07% vốn điều lệ, nếu giao dịch thành công sẽ không còn sở hữu cổ phiếu TDH. Louis Land giao Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch thoái vốn, cũng như quyết định giá bán.

TCO - CTCP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Ngày 22/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 25/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán bắt đầu từ ngày 08/11/2021.

CSM - CTCP Công nghiệp Cao su miền Nam - Quý III ghi nhận doanh thu thuần 1.012 tỷ đồng, giảm 21%. Sau khi trừ chi phí, CSM báo lỗ 28 tỷ đồng, quý đầu tiên lỗ kể từ khi công bố BCTC quý. Lũy kế 9 tháng, doanh thu tương đương cùng kỳ năm trước đạt 3.484 tỷ đồng; lãi sau thuế 7,4 tỷ đồng, giảm 88%.

VSC - Công ty Container Việt Nam - Thay đổi ngày đăng ký cuối cùng chào bán hơn 55 triệu cổ phiếu giá 10.000 đồng/cp cho cổ đông hiện hữu từ 26/10 sang 9/11. Thời gian chuyển nhượng quyền mua từ 16/11 đến 8/12. Thời gian đăng ký mua và nộp tiền từ 16/11 đến 15/12.

Với tỷ lệ thực hiện quyền mua là 1:1, vốn điều lệ dự kiến gấp đôi từ 551,2 tỷ lên 1.102,4 tỷ đồng. Theo bản cáo bạch phát hành cổ phiếu hơn 551 tỷ đồng huy động dự kiến dùng để bổ sung vốn lưu động và mua 8,9 triệu cổ phiếu Cảng Vinalines – Đình Vũ.

DGW - CTCP Thế giới số - Đã thông qua việc hủy phương án phát hành 500.000 cổ phiếu ESOP với giá 40.000 đồng/cổ phiếu.

PVB - CTCP Bọc ống Dầu khí Việt Nam - Ngày 29/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 01/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/11/2021.

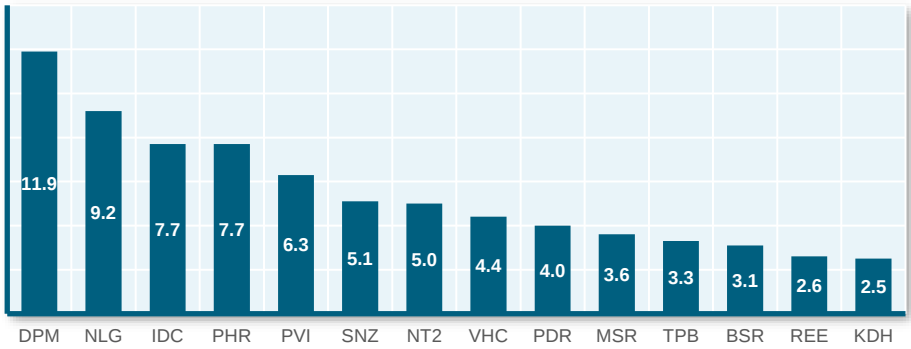


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	37.6	8,996,800	7.4	1.5	-	390,100	166,928	18.96	5,056	24,447
VIB	HOSE	36.9	1,664,600	6.5	2.7	-	8,600	57,311	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	94.0	1,226,100	17.0	3.3	63,500	643,900	348,634	23.51	5,532	28,293
VBB	HNX	16.5	30,411	19.9	1.4	-	-	7,882	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	16.8	279,205	14.0	1.2	-	-	7,475	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	43.7	3,518,900	9.6	2.3	-	-	51,202	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	52.9	15,317,400	11.5	2.2	50,000	50,000	185,727	22.49	4,614	23,938
STB	UPCOM	26.1	8,665,200	13.6	1.5	209,700	572,600	49,204	15.95	1,922	16,846
SSB	HOSE	37.0	3,226,000	21.5	3.0	-	-	49,672	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	27.5	10,964,400	12.6	2.0	10,900	367,100	52,966	3.82	2,183	14,014
SGB	HNX	17.6	82,849		1.5	-	-	5,421	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	24.5	467,726	33.2	1.8	-	-	7,350	15.00	739	13,529
OCB	HNX	27.4	7,914,700	7.2	1.5	300	-	37,466	22.00	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.4	236,810	138.5	2.6	-	16,300	11,553	8.46	205	10,726
NAB	HOSE	19.5	135,500	5.8	1.2	-	400	8,901	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	22.9	12,660,300	7.0	1.3	-	600	34,903	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	27.9	10,195,600	7.2	1.4	914,800	679,100	105,415	23.21	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.0	3,715,000	8.1	1.5	11,300	55,200	25,275	3.89	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.6	212,801	11.6	1.7	-	-	7,550	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	24.6	2,785,600	6.4	1.4	857,700	797,000	49,008	17.68	3,854	17,399
EIB	HOSE	23.2	229,000	26.5	1.6	-	9,800	28,523	29.71	874	14,061
CTG	HOSE	29.8	7,367,500	6.8	1.2	1,984,600	1,275,500	142,971	24.42	4,394	25,028
BVB	HOSE	20.9	2,073,375	18.1	1.6	-	20	7,672	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	39.5	632,200	15.7	1.9	54,900	21,700	158,870	16.57	2,512	21,036
BAB	HOSE	21.7	47,200	22.8	1.8	200	-	16,343	-	950	12,242
ACB	HOSE	31.8	4,132,200	6.9	2.1	-	-	85,787	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.1	922,848	7.5	1.3	-	-	12,055	30.00	2,801	16,671
			107,700,225	17.80	1.80	4,157,900	4,887,920	1,722,065		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TRC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	DMC	HOSE	25/10/2021	26/10/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	BXH	HNX	22/10/2021	25/10/2021	18/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	CCL	HOSE	22/10/2021	25/10/2021	30/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	ISH	UPCoM	21/10/2021	22/10/2021	11/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TNC	HOSE	21/10/2021	22/10/2021	5/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SGC	HNX	18/10/2021	19/10/2021	3/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	E29	UPCoM	18/10/2021	19/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VMC	HNX	14/10/2021	15/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VHF	UPCoM	14/10/2021	15/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 259 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	NDN	HNX	14/10/2021	15/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SNC	UPCoM	14/10/2021	15/10/2021	19/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	AAT	HOSE	14/10/2021	15/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	AAT	HOSE	14/10/2021	15/10/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:115	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	PCM	UPCoM	14/10/2021	15/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 34 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	SSB	HOSE	13/10/2021	14/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:10.1304, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
17	GVR	HOSE	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TKG	UPCoM	13/10/2021	14/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:10, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	QLD	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 252 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	ICC	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	DBH	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VEA	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	15/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 462 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	NWT	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TNP	UPCoM	11/10/2021	12/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HU6	UPCoM	11/10/2021	12/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HAB	UPCoM	11/10/2021	12/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 0%, giá 75,000 đồng/CP	Phát hành thêm
27	HCM	HOSE	11/10/2021	12/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 14,000 đồng/CP	Phát hành thêm
28	BVS	HNX	11/10/2021	12/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931